

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 22-5-2019
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Rê.

Bà Nguyễn Thị Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Tạ Thủy T - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: Ấp 6, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh L (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/5/2019)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: Ấp 1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh L (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2018, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Phan Tạ Thủy T trình bày: Ngày 21/6/2018, bà T cho ông Nguyễn Văn H vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 5%/tháng. Việc vay tiền có lập văn bản, không công chứng. Ông H thế chấp cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 974947 đối với thửa đất số 642, tờ bản đồ số 8 xã Đ, huyện Đ1 do

ông H đứng tên. Từ khi vay đến ngày 21/8/2018, ông H đã trả cho bà T 02 tháng tiền lãi là 1.000.000 đồng. Sau đó ông H không trả gốc và lãi nên bà T khởi kiện yêu cầu ông H trả 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính theo quy định pháp luật đến ngày xét xử vụ án và tiền lãi chậm trả kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/5/2019, bà T giữ nguyên các yêu cầu theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02/10/2018.

Bị đơn Nguyễn Văn H vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ1 phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H trả cho bà T tiền gốc và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Phan Tạ Thủy T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Văn H. Ông H cư trú tại huyện Đ1, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh L thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Bị đơn Nguyễn Văn H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (02 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H không có bản khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Nguyên đơn là bà T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T:

[3.1]. Từ bản chính "giấy thỏa thuận vay tiền" ngày 21/6/2018 (có chữ ký và ghi tên Nguyễn Văn H) và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 974947 đối với thửa đất số 642, tờ bản đồ số 8 xã Đ, huyện Đ1 do ông H đứng tên

mà bà T cung cấp cho Tòa án thì việc bà T khai cho ông H vay 10.000.000 đồng là có cơ sở nên phát sinh nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2]. Bà T không yêu cầu gì về nội dung thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã tự nguyện nộp lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả cho ông H nên Hội đồng xét xử ghi nhận và chỉ giải quyết tranh chấp đối với số tiền vay.

[3.3]. Bà T thừa nhận ông H đã trả cho bà T 02 tháng tiền lãi 1.000.000 đồng (tức lãi suất 5%/tháng) nên phải điều chỉnh tiền lãi lại theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi tính lại như sau:

- Từ 21/6/2018 đến 21/7/2018: $(10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) : 12 \text{ tháng} = 166.666 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số). Ông H trả 500.000 đồng lãi, còn dư: 333.334 đồng trừ vào tiền gốc thì tiền gốc còn lại: 9.666.666 đồng.

- Từ 21/7/2018 đến 21/8/2018: $(9.666.666 \text{ đồng} \times 20\%) : 12 \text{ tháng} = 161.111 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số). Ông H trả 500.000 đồng lãi, còn dư: 338.889 đồng, trừ vào tiền gốc thì còn lại: 9.327.777 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn từ 21/8/2018 đến 20/5/2019 là 09 tháng: $9.327.777 \text{ đồng} \times 20\% : 12 \text{ tháng} \times 9 \text{ tháng} = 1.399.166 \text{ đồng}$.

Trong "giấy thỏa thuận vay tiền" ngày 21/6/2018 không thể hiện thỏa thuận nghĩa vụ chậm trả lãi trên nợ gốc quá hạn, bà T cũng không yêu cầu cụ thể nên không tính lãi trên nợ gốc quá hạn.

Vì vậy cần buộc ông H phải trả cho bà T tổng cộng: 10.726.943 đồng gồm 9.327.777 đồng tiền gốc và 1.399.166 đồng tiền lãi.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[4]. Từ những nhận định tại mục [3] thì đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 536.347 đồng (đã làm tròn số, cách tính $10.726.943 \text{ đồng} \times 5\% = 536.347,15 \text{ đồng}$) là phù hợp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tạ Thủy T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Phan Tạ Thủy T tổng cộng 10.726.943 đồng (mười triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm bốn mươi ba đồng) gồm 9.327.777 đồng tiền gốc và 1.399.166 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận việc bà Phan Tạ Thủy T tự nguyện giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 974947 (số vào sổ 00894) ngày 30/8/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp cho ông Nguyễn Văn H để trả cho ông Nguyễn Văn H (Hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 974947 nêu trên đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Tòa án giao cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 536.347 đồng (năm trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phan Tạ Thủy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà T 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004306 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ1.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên